CÔNG TY TNHH MTV
HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	**1**
Báo cáo Kiểm toán độc lập	**2 - 3**
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 15

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải khu vực VI (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng thành viên Công ty trong năm:

Ông Nguyễn Đức Bảy	Chủ tịch

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đào Mạnh Hà	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Nexia STT – Chi nhánh An Phát đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Nghệ An, ngày 15 tháng 02 năm 2019

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

M.S.D.N: 2900910823 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY T.NHIỆM H.HẠN MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI
TP. VINH - T. NGHỆ AN

ĐÀO MẠNH HÀ

Nexia STT

An Phat Office
No.245 Bach Dang Str., Thuong Ly Ward,
Hong Bang District, Hai Phong City, Vietnam
Phone: +84 (225) 3 539969/666/555
Fax: +84 (225) 3 539789

Head Office
18th floor, C'Land Tower, 156 Xa Dan II
Dong Da District, Hanoi

Ho Chi Minh City Office
9th floor, Estar Building, No.147-149 Vo Van Tan Street
Ward 6, District 3, Hochiminh City

Email: ktanphat@nexia.vn
Web: www.nexia.vn

Số : 12.../2019/BC.KiTTC- NEXIA.APS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải khu vực VI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải khu vực VI được lập ngày 15 tháng 02 năm 2019, từ trang 04 đến trang 15, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

MEMBER OF THE FORUM OF FIRMS

© 2015 Nexia International Limited. All rights reserved.
Nexia International is a leading worldwide network of independent accounting and consulting firms, providing a comprehensive portfolio of audit, accountancy, tax and advisory services. Nexia International is the trading name of Nexia International Limited, a company registered in the Isle of Man. Company registration number: 53513C. Registered office: 1st floor, Sixty Circular Road, Douglas, Isle of Man, IM1 1SA. The trademarks NEXIA INTERNATIONAL, NEXIA and the NEXIA logo are owned by Nexia International Limited. Nexia International and its member firms are not part of a worldwide partnership. Member firms of Nexia International are independently owned and operated. Nexia International does not accept any responsibility for the commission of any act, or omission to act by, or the liabilities of, any of its members.

An Phat Office
No.245 Bach Dang Str., Thuong Ly Ward,
Hong Bang District, Hai Phong City, Vietnam
Phone: +84 (225) 3 539969/666/555
Fax: +84 (225) 3 539789

Head Office
18th floor, C'Land Tower, 156 Xa Dan II
Dong Da District, Hanoi

Ho Chi Minh City Office
9th floor, Estar Building, No.147-149 Vo Van Tan Street
Ward 6, District 3, Hochiminh City

Email: ktanphat@nexia.vn
Web: www.nexia.vn

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải khu vực VI tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY TNHH NEXIA STT
CHI NHÁNH AN PHÁT
Phó Giám đốc

M.S.C.N: 0103975287 - 002 CÔNG TY TNHH NEXIA STT - CHI NHÁNH AN PHÁT THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Trần Thị Hường
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1420-2018-225-1

Kiểm toán viên

Võ Công Quyết
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4038-2017-225-1

MEMBER OF THE FORUM OF FIRMS

© 2015 Nexia International Limited. All rights reserved.
Nexia International is a leading worldwide network of independent accounting and consulting firms, providing a comprehensive portfolio of audit, accountancy, tax and advisory services. Nexia International is the trading name of Nexia International Limited, a company registered in the Isle of Man. Company registration number 53513C. Registered office: 1st floor, Sixty Circular Road, Douglas, Isle of Man, IM1 1SA. The trademarks NEXIA INTERNATIONAL, NEXIA and the NEXIA logo are owned by Nexia International Limited. Nexia International and its member firms are not part of a worldwide partnership. Member firms of Nexia International are independently owned and operated. Nexia International does not accept any responsibility for the commission of any act or omission by or the liabilities of any of its members.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số		TÀI SẢN	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	**A**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**23.941.568.226**	**20.319.162.038**
110	**I**	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**12.655.176.595**	**10.209.537.942**
111	1	Tiền		6.655.176.595	4.209.537.942
112	2	Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	6.000.000.000
120	**II**	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	4	**8.000.000.000**	**8.000.000.000**
123	1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.000.000.000	8.000.000.000
130	**III**	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**2.998.438.533**	**2.081.232.230**
131	1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.917.109.643	1.929.071.447
132	2	Trả trước cho người bán ngắn hạn			40.000.000
136	3	Phải thu ngắn hạn khác	6	81.328.890	112.160.783
140	**IV**	**Hàng tồn kho**		**29.493.519**	**17.181.145**
141	1	Hàng tồn kho	7	29.493.519	17.181.145
150	**V**	**Tài sản ngắn hạn khác**		**258.459.579**	**11.210.721**
151	1	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	169.116.836	11.210.721
152	2	Thuế GTGT được khấu trừ		89.342.743	
200	**B**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**13.304.240.515**	**5.356.613.538**
210	**I**	**Các khoản phải thu dài hạn**			
220	**II**	**Tài sản cố định**		**12.956.098.150**	**5.233.240.038**
221	1	Tài sản cố định hữu hình	9	12.956.098.150	5.233.240.038
222		*Nguyên giá*		*21.128.313.565*	*12.187.260.438*
223		*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(8.172.215.415)*	*(6.954.020.400)*
230	**III**	**Bất động sản đầu tư**			
240	**IV**	**Tài sản dở dang dài hạn**			**117.396.364**
242	1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			117.396.364
250	**V**	**Đầu tư tài chính dài hạn**	4		
260	**VI**	**Tài sản dài hạn khác**		**348.142.365**	**5.977.136**
261	1	Chi phí trả trước dài hạn	8	348.142.365	5.977.136
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**37.245.808.741**	**25.675.775.576**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Tiếp theo)

Mã số		NGUỒN VỐN	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	A	**NỢ PHẢI TRẢ**		**16.773.104.454**	**9.597.995.858**
310	I	**Nợ ngắn hạn**		**16.773.104.454**	**9.597.995.858**
311	1	Phải trả người bán ngắn hạn	10	717.124.868	240.677.000
312	2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn			263.124.882
313	3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	741.862.738	555.023.533
314	4	Phải trả người lao động		4.673.506.656	2.811.400.000
319	5	Phải trả ngắn hạn khác	12	5.900.005.918	2.904.660.223
322	6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.740.604.274	2.823.110.220
330	II	**Nợ dài hạn**			
400	B	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**20.472.704.287**	**16.077.779.718**
410	I	**Vốn chủ sở hữu**	13	**20.472.704.287**	**16.077.779.718**
411	1	Vốn góp của chủ sở hữu		17.738.062.627	16.077.779.718
418	2	Quỹ đầu tư phát triển		2.734.641.660	
430	II	**Nguồn kinh phí và các quỹ khác**			
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**37.245.808.741**	**25.675.775.576**

Nghệ An, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Dương Thị Minh Thanh	Dương Thị Minh Thanh	Đào Mạnh Hà

M.S.D.N: 2900910823 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY T.NHIỆM H.HẠN MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI
TP. VINH - T. NGHỆ AN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mã số		CHỈ TIÊU	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**52.498.269.547**	**31.708.478.574**
10	3	**Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**	15	**52.498.269.547**	**31.708.478.574**
11	4	Giá vốn hàng bán	16	23.112.898.739	13.243.485.044
20	**5**	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**29.385.370.808**	**18.464.993.530**
21	6	Doanh thu hoạt động tài chính	17	643.095.691	393.956.225
25	9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	11.694.313.190	8.723.583.301
30	**10**	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**18.334.153.309**	**10.135.366.454**
40	**13**	**Lợi nhuận khác**			
50	**14**	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**18.334.153.309**	**10.135.366.454**
51	15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	3.666.830.662	2.027.086.243
60	**17**	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**14.667.322.647**	**8.108.280.211**

Nghệ An, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Dương Thị Minh Thanh	Dương Thị Minh Thanh	Đào Mạnh Hà

CÔNG TY T.NHIỆM H.HẠN MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI TP. VINH - T. NGHỆ AN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số		CHỈ TIÊU	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
01	I	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
01	1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		53.307.845.058	36.524.058.045
02	2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(14.208.912.404)	(7.455.835.228)
03	3	Tiền chi trả cho người lao động		(20.040.638.861)	(13.396.403.691)
05	4	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(3.613.982.617)	(2.156.433.312)
06	5	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		321.675.796	27.592.071
07	6	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.414.910.123)	(3.834.762.226)
08		***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***13.351.076.849***	***9.708.215.659***
	II	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
21	1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.792.758.693)	(117.396.364)
23	2	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			(5.000.000.000)
27	3	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		570.920.860	339.242.551
30		***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		*(8.221.837.833)*	*(4.778.153.813)*
	III	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
36	1	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.683.600.363)	
40		***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		*(2.683.600.363)*	
50		**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**2.445.638.653**	**4.930.061.846**
60		**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**10.209.537.942**	**5.279.476.096**
61		Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70		**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	3	**12.655.176.595**	**10.209.537.942**

Nghệ An, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Dương Thị Minh Thanh	Dương Thị Minh Thanh	Đào Mạnh Hà

M.S.D.N: 2900910823 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY T.NHIỆM H.HẠN MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI
TP. VINH - T. NGHỆ AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải khu vực VI được chuyển đổi từ Công ty Hoa tiêu khu vực VI theo Quyết định số 1780/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ Giao thông vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV số 2900910823 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 41, đường Đinh Công Trứ, Phường Hưng Phúc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Chủ sở hữu: Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc; Mã số doanh nghiệp: 0200640769 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 03 tháng 08 năm 2010; Địa chỉ: Số 01, lô 11A, đường Lê Hồng Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 17.738.062.627 đồng.

Vốn pháp định của Công ty là: 6.000.000.000 đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh Hà, sinh ngày 02 tháng 05 năm 1973, quốc tịch Việt Nam; CMND số 181871322 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 17 tháng 11 năm 2007; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối 3 phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; chức danh: Giám đốc Công ty.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Chi tiết: Cung cấp dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng, khu neo đậu, khu chuyển tải, hỗ trợ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng và phương tiện nổi);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hoạt động môi giới thuê tàu biển);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ, cho thuê thiết bị vận tải đường thủy không kèm người điều khiển);
- Giáo dục nghề nghiệp (Chi tiết: Đào tạo nghề và huấn luyện hoa tiêu hàng hải);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Cho thuê văn phòng).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính là: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng kể từ ngày đầu tư.

2.6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 09 năm

2.9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày ngày 08 tháng 3 năm 2018 trong đó thay đổi bổ sung một số điều trong NĐ số 91/2015/NĐ-CP và bãi bỏ Bãi bỏ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư số 219/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13. Ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm

2.14. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được quy định tại Quyết định số 3946/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giao thông Vận tải, có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2017 và Quyết định số 276/QĐ-CTHTHHKV VI ngày 31 tháng 12 năm 2016, ban hành Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải của Giám đốc Công ty hoa tiêu hàng hải khu vực VI.

2.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt với Công ty. Theo đó:

- Tổng Công ty bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc là chủ sở hữu Công ty, được coi là bên liên quan của Công ty.
- Viên chức quản lý bao gồm Chủ tịch, thành viên trong Ban giám đốc và Kế toán trưởng được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 22 trang 15.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.181.707.894	732.763.588
Tiền gửi không kỳ hạn	5.473.468.701	3.476.774.354
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	**12.655.176.595**	**10.209.537.942**

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	**8.000.000.000**	**8.000.000.000**	**8.000.000.000**	**8.000.000.000**

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
CN Cty TNHH Hoyer Transpor Việt Nam tại Hà Tĩnh	567.284.463	378.818.162
Công Ty TNHH DV Vận Tải Biển Vũng Áng	6.946.500	346.766.911
CN Cty CP Đại Lý Hàng Hải Việt Nam - ĐLHH Bến Thủy	399.227.985	358.697.045
Các đối tượng khác	1.943.650.695	844.789.329
Cộng	**2.917.109.643**	**1.929.071.447**

6 . PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND		VND
Ngắn hạn				
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	62.000.000		100.129.567	
Tạm ứng	19.328.890		12.031.216	
Cộng	**81.328.890**		**112.160.783**	

7 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	29.493.519		17.181.145	
Cộng	**29.493.519**		**17.181.145**	

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	**169.116.836**	**11.210.721**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	77.119.749	
Chi phí bảo hiểm	91.997.087	11.210.721
b. Dài hạn	**348.142.365**	**5.977.136**
Chi phí sửa chữa	322.692.365	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng		1.365.136
Chi phí trả trước khác	25.450.000	4.612.000
Cộng	**517.259.201**	**17.187.857**

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.463.353.389	5.723.907.049	12.187.260.438
Mua sắm mới		8.941.053.127	8.941.053.127
Số dư cuối năm	**6.463.353.389**	**14.664.960.176**	**21.128.313.565**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.296.920.000	4.657.100.400	6.954.020.400
Khấu hao trong năm	315.360.000	902.835.015	1.218.195.015
Số dư cuối năm	**2.612.280.000**	**5.559.935.415**	**8.172.215.415**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4.166.433.389	1.066.806.649	5.233.240.038
Tại ngày cuối năm	**3.851.073.389**	**9.105.024.761**	**12.956.098.150**

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 1.176.500.400

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công Ty CP Cảng Quốc Tế Lào - Việt	8.030.000	8.030.000	33.110.000	33.110.000
Nguyễn Thị Hương	79.910.000	79.910.000	63.000.000	63.000.000
Nguyễn Văn Thắng	85.050.000	85.050.000	95.160.000	95.160.000
Trần Thị Hồng	77.650.000	77.650.000	11.500.000	11.500.000
Công ty CP Cơ Khí Đóng Tàu Nghệ An	391.899.868	391.899.868		
Đối tượng khác	74.585.000	74.585.000	37.907.000	37.907.000
Cộng	**717.124.868**	**717.124.868**	**240.677.000**	**240.677.000**

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng công ty bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc			8.756.000	8.756.000
Cộng			**8.756.000**	**8.756.000**

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	204.796.577	172.766.353	377.562.930	
Thuế TNDN	213.977.932	3.677.266.716	3.613.982.617	277.262.031
Thuế thu nhập cá nhân	136.249.024	1.719.643.941	1.391.292.258	464.600.707
Thuế nhà đất		45.673.360	45.673.360	
Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	
Các loại thuế khác		988.552	988.552	
Cộng	**555.023.533**	**5.619.338.922**	**5.432.499.717**	**741.862.738**

12 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	5.493.177	6.414.995
Tiền dịch vụ hoa tiêu hàng hải quá cảnh của Lào	393.051.619	214.644.865
Phải trả Tổng Công ty Bảo đảm ATHH Miền Bắc	5.501.461.122	2.683.600.363
Cộng	**5.900.005.918**	**2.904.660.223**

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa pp	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	11.700.000.000	1.945.295.655		**13.645.295.655**
Lãi trong năm trước			8.108.280.211	**8.108.280.211**
Chuyển nguồn vốn	4.377.779.718	(4.377.779.718)		
Phân phối lợi nhuận		2.432.484.063	(8.108.280.211)	**(5.675.796.148)**
Số dư đầu năm nay	**16.077.779.718**			**16.077.779.718**
Lãi trong năm nay			14.667.322.647	**14.667.322.647**
Chuyển nguồn vốn	1.660.282.909	(1.660.282.909)		
Phân phối lợi nhuận		4.394.924.569	(14.649.748.563)	**(10.254.823.994)**
Số giảm khác			(17.574.084)	**(17.574.084)**
Số dư cuối năm nay	**17.738.062.627**	**2.734.641.660**		**20.472.704.287**

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận đầu tư		Thực hiện đến 31/12/2018	
	VND	%	VND	%
Tổng Công Ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Bắc	17.738.062.627	100%	17.738.062.627	100%
	17.738.062.627	**100%**	**17.738.062.627**	**100%**

14 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	229,04	5.195.096	242,24	5.498.803

15 . TỔNG DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	52.498.269.547	31.708.478.574
Cộng	**52.498.269.547**	**31.708.478.574**

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung ứng	23.112.898.739	13.243.485.044
Cộng	**23.112.898.739**	**13.243.485.044**

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	594.791.293	393.742.551
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	48.304.398	213.674
Cộng	**643.095.691**	**393.956.225**

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lương, bảo hiểm, kinh phí công đoàn	7.437.093.942	6.060.209.979
Chi phí đồ dùng văn phòng	49.681.820	357.154.272
Chi phí khấu hao	108.000.000	108.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	767.191.501	1.093.582.853
Chi phí quản lý khác	3.332.345.927	1.104.636.197
Cộng	**11.694.313.190**	**8.723.583.301**

19 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.683.928.375	2.031.602.071
Chi phí nhân công	22.273.347.930	14.572.242.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.218.195.015	961.060.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.765.944.138	3.400.152.948
Chi phí khác bằng tiền	3.865.796.471	1.002.010.766
Cộng	**34.807.211.929**	**21.967.068.345**

20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18.334.153.309	10.135.366.454
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm		
Lãi CLTG cuối kỳ khoản mục tiền năm trước		*64.752*
Thu nhập chịu thuế TNDN	18.334.153.309	10.135.431.206
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	3.666.830.662	2.027.086.243
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**3.666.830.662**	**2.027.086.243**

21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

22 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công Ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Bắc		
Phải trả	5.501.461.122	2.692.356.363

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của viên chức quản lý	2.270.590.760	1.219.756.235

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

Nghệ An, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Dương Thị Minh Thanh	Dương Thị Minh Thanh	Đào Mạnh Hà